

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 188/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 6 - 2022

V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương
- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Cao Trí
Bà Nguyễn Thị Kim Phượng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Quốc Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:***
Ông Huỳnh Hoàng Vũ – kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 103/2022/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/4/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 113/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19/5/2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thuý S, sinh năm 1993; nơi cư trú: ấp KB, xã KH, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Phạm Tuấn D, sinh năm 1990; nơi cư trú: ấp KB, xã KH, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- ***Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 12 năm 2021 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn Võ Thuý S trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông D kết hôn vào năm 2015, hôn nhân do tự tìm hiểu sau đó tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã KH. Quá trình đầu chung sống hạnh phúc, thời gian sau thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không cùng quan điểm sống, thường hay cãi nhau. Ông bà đã ly thân từ đầu năm 2021, nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông Phạm Tuấn D.

Về quan hệ con chung: không có

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: theo quy định pháp luật

- Bị đơn ông Phạm Tuấn D đã được Tòa án tổng đạt các thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật nhưng ông không gửi văn bản tự khai và không tham gia tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến của ông.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S, cho bà S ly hôn với ông D. Con chung: không có. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết. Án phí: theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: bà S khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông D, địa chỉ cư trú của ông D thuộc huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Ông Phạm Tuấn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng ông D vắng mặt không có lý do chính đáng tại phiên tòa lần thứ hai và bà S có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D, bà S theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Bà S và ông D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 23/10/2015 tại Ủy ban nhân dân xã KH, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên được pháp luật Việt Nam công nhận hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp. Nay cuộc sống hôn nhân phát sinh mâu thuẫn và tình cảm vợ chồng không còn nên bà S yêu cầu được ly hôn với ông D.

[2.2] Tòa án đã thực hiện, cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông D để ông thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn mặc dù ông trực tiếp ký nhận các văn bản tố tụng nhưng cho đến nay ông D vẫn vắng mặt không tham gia phiên họp, hòa giải, xét xử

và không gửi văn bản trình bày ý kiến, xem như ông tự từ bỏ quyền lợi của bản thân.

[2.3] Qua xác minh thì địa phương xác định ông D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ ấp KB, xã KH, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Về tình trạng hôn nhân và mâu thuẫn cụ thể giữa ông bà thì địa phương không rõ, hiện ông bà không còn chung sống cùng nhau.

[2.4] Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau cũng như chia sẻ, hỗ trợ nhau trong cuộc sống nhưng trên thực tế giữa ông bà đã phát sinh mâu thuẫn, không còn sự thăm nom, chăm sóc lẫn nhau. Suốt thời gian ly thân nhưng ông bà vẫn không thể giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay bà S yêu cầu ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn và bà từ chối việc Tòa án tiếp tục hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa cho thấy sự cương quyết trong việc yêu cầu ly hôn, phía ông D thì trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho ông bà hàn gắn lại với nhau nhưng ông D vắng mặt cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đến Tòa án, điều này chứng tỏ ông D không có thiện chí muốn hàn gắn đoàn tụ gia đình, không quan tâm đến yêu cầu ly hôn của bà S. Như vậy cho thấy cuộc sống chung của ông bà không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai do đó yêu cầu ly hôn của bà S với ông D là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Về con chung: Ông bà không có con chung.

[2.6] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: bà S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông D không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thuý S.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Võ Thuý S ly hôn với ông Phạm Tuấn D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 199/2015, quyển số 01/2015, ngày 23 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân xã KH, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang cấp cho bà

Võ Thuý S và ông Phạm Tuấn D không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: không có
- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.
- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Võ Thuý S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003559 ngày 17/3/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Phú. Ông Phạm Tấn Duy không phải chịu án phí sơ thẩm.

Bà Võ Thuý S và ông Phạm Tấn Duy được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AG;
- VKSND H.Châu Phú;
- Chi cục THADS H.Châu Phú;
- Đương sự;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Hương